

Số: 1225/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 10 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các Sở, Ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 17/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Quyết định số 181/2005/QĐ-TTg ngày 19/7/2005 của Thủ tướng Chính phủ quy định về phân loại, xếp hạng các tổ chức sự nghiệp, dịch vụ công lập;

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 895/TTr-SNV ngày 28/4/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các Sở, Ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2538/QĐ-UBND ngày 07/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- TT Tỉnh ủy; HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, TH, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Trí Thanh



Phụ lục I
TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM ĐỐI VỚI SỞ, NGÀNH
(*Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /5/2021*
của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Giải trình việc tự chấm điểm
1	Kết quả thực hiện nhiệm vụ, chức năng quản lý nhà nước	75		
1.1	Kết quả thực hiện các nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao. Thực hiện đầy đủ, đảm bảo thời gian, đảm bảo chất lượng theo yêu cầu đạt tỷ lệ 100% được tính 10 điểm; tỷ lệ % thực hiện được tính điểm tương ứng	10		
1.2	Công tác xây dựng, tham mưu ban hành các đề án, văn bản quy phạm pháp luật. Hoàn thành 100% các đề án, văn bản được tính 10 điểm, tỷ lệ % hoàn thành được tính điểm tương ứng.	10		
1.3	Công tác hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thuộc ngành, lĩnh vực quản lý đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và chức danh chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã. Được 18/18 (100%) UBND cấp huyện đánh giá tốt được tính 05 điểm; tỷ lệ % UBND huyện cấp huyện đánh giá tốt được tính điểm tương ứng.	05		
1.4	Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra theo ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách trong việc thực hiện các quy định của pháp luật.	05		
-	Có xây dựng Kế hoạch và triển khai thực hiện đầy đủ.	05		
-	Có xây dựng Kế hoạch, nhưng triển khai thực hiện chưa đầy đủ.	03		
-	Không xây dựng Kế hoạch hoặc có xây dựng Kế hoạch nhưng không triển khai thực hiện.	0		
1.5	Công tác ứng dụng công nghệ thông tin, triển khai các hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ quản lý nhà nước và chuyên môn nghiệp vụ, chuyển đổi số tại đơn vị	03		
-	Thực hiện tốt	03		
-	Thực hiện khá	02		
-	Thực hiện trung bình	01		

-	Thực hiện yếu	0		
1.6	Thực hiện công tác cải cách hành chính.	10		
-	Chỉ số cải cách hành chính đạt từ 85% đến 100%.	10		
-	Chỉ số cải cách hành chính đạt từ 75% đến dưới 85%.	08		
-	Chỉ số cải cách hành chính đạt từ 60% đến dưới 75%.	06		
-	Chỉ số cải cách hành chính đạt dưới 60%.	0		
1.7	Chỉ số năng lực cạnh tranh (DDCI)	05		
-	Xếp loại tốt.	05		
-	Xếp loại khá tốt.	04		
-	Xếp loại khá.	03		
-	Xếp loại trung bình.	02		
-	Xếp loại yếu.	0		
1.8	Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ, chuyên đề, đột xuất đầy đủ số lượng, đảm bảo nội dung và đúng thời gian theo quy định, phục vụ kịp thời cho yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Thực hiện đầy đủ, đảm bảo nội dung và đúng thời gian theo quy định đạt tỷ lệ 100% được tính 05 điểm; tỷ lệ % thực hiện được tính điểm tương ứng.	05		
1.9	Thực hiện chế độ họp, hội nghị theo Quy chế làm việc Ủy ban nhân dân tỉnh; tham mưu trả lời, giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri liên quan đến ngành, lĩnh vực.	05		
-	Thực hiện tốt.	05		
-	Thực hiện chưa tốt.	02		
1.10	Phối hợp, triển khai, thực hiện các chương trình mục tiêu; các đề án, dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh phân công.	05		
-	Thực hiện tốt.	05		
-	Thực hiện chưa tốt.	02		
1.11	Thực hiện công tác dân vận	05		
-	Hoàn thành xuất sắc.	05		
-	Hoàn thành tốt.	04		
-	Hoàn thành.	02		
-	Không hoàn thành.	0		
1.12	Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư các dự án do đơn vị làm chủ đầu tư. Tỷ lệ giải ngân đạt 100% được tính 05 điểm; tỷ lệ % giải ngân được tính điểm tương ứng.	05		

1.13	Công bố và duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	02		
-	Đã công bố và duy trì, cải tiến.	02		
-	Đã công bố nhưng không duy trì, cải tiến.	01		
-	Chưa công bố.	0		
2	Kết quả thực hiện quản trị trong cơ quan, đơn vị	17		
2.1	Thực hiện việc sắp xếp bộ máy; tinh giản đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị.	05		
-	Thực hiện tốt.	05		
-	Thực hiện chưa tốt.	02		
2.2	Thực hiện việc quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm các chức danh thuộc thẩm quyền	03		
-	Thực hiện đúng quy định.	03		
-	Thực hiện có nội dung chưa đảm bảo theo quy định.	01		
2.3	Thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng, sử dụng công chức, viên chức.	03		
-	Thực hiện tốt	03		
-	Thực hiện chưa tốt	01		
2.4	Thực hiện việc quản lý tài chính, ngân sách, trang thiết bị và cơ sở vật chất.	03		
-	Thực hiện tốt	03		
-	Thực hiện chưa tốt	01		
2.5	Thực hiện các quy định về phòng, chống tham nhũng trong nội bộ cơ quan, đơn vị; tiếp nhận, xử lý các thông tin, báo cáo, phản ánh về hành vi tham nhũng; thực hiện việc kê khai tài sản.	03		
-	Thực hiện tốt	03		
-	Thực hiện chưa tốt	01		
3	Điểm cộng, điểm trừ			
3.1	Điểm cộng	08		
-	Tham mưu Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các chính sách, đề án phát sinh, có tính chất đặc thù (không nằm trong chương trình công tác hằng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh).	03		
-	Có đề tài khoa học, sáng kiến cấp tỉnh trở lên được Trung ương, Hội đồng khoa học hoặc Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh quyết định công	02		

	nhận.			
-	Xếp hạng thứ nhất Chỉ số cải cách hành chính của các Sở, ban, ngành tỉnh (năm đánh giá, xếp loại chưa công bố thì lấy kết quả của năm liền kề trước đó) được cộng 01 điểm; xếp hạng thứ nhì được cộng 0,5 điểm.	01		
-	Xếp hạng thứ nhất Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của các Sở, ban, ngành tỉnh (năm đánh giá, xếp loại chưa công bố thì lấy kết quả của năm liền kề trước đó) được cộng 01 điểm; xếp hạng thứ nhì được cộng 0,5 điểm	01		
-	Có tổng số điểm đạt được xếp vị thứ nhất công tác dân vận trong các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh (năm đánh giá, xếp loại chưa công bố thì lấy kết quả của năm liền kề trước đó) được cộng 01 điểm; xếp vị thứ nhì được cộng 0,5 điểm.	01		
-	Lập thành tích tiêu biểu xuất sắc đột xuất trong năm, được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh hoặc Bằng khen của các Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương hoặc các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước (chỉ lấy hình thức khen thưởng đột xuất tặng cho tập thể các Sở, ban, ngành tỉnh để tính điểm).	02		
3.2	Điểm trừ			
-	Về tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật: Trong năm đánh giá, Sở Tư pháp kiểm tra, phát hiện văn bản quy phạm pháp luật có nội dung tham mưu trái quy định pháp luật, trừ 01 điểm/01 văn bản; Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Tư pháp có văn bản Kết luận kiểm tra, phát hiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực, chuyên ngành của các Sở, ban, ngành tham mưu trái quy định pháp luật trừ 02 điểm/01 văn bản.			
-	Ban hành văn bản trái quy định, bị đình chỉ, hủy bỏ bằng quyết định của cơ quan có thẩm quyền trừ 02 điểm/01 văn bản.			
-	Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc cấp có thẩm quyền có văn bản			

	phê bình, kiểm điểm trong quá trình thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao trừ 01 điểm/01 lần bị phê bình, kiểm điểm.			
-	Giải quyết đơn thư; tổ chức tiếp công dân	02		
+	Không giải quyết	01		
+	Giải quyết không kịp thời, không thỏa đáng hoặc chậm tiến độ so với quy định.	0,5		
+	Không tổ chức tiếp công dân hoặc tổ chức tiếp công dân không đúng theo quy định của pháp luật.	01		
-	Không chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ các quyết định, kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của cơ quan có thẩm quyền.	01		
-	Bị xử lý kỷ luật	03		
+	Có cá nhân là người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan bị xử lý kỷ luật	03		
+	Có cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan đơn vị bị xử lý kỷ luật	01		
-	Gửi hồ sơ tự đánh giá, xếp loại trễ hạn dưới 05 ngày bị trừ 01 điểm; trễ hạn từ 05 ngày đến 10 ngày bị trừ 02 điểm; trễ hạn từ 10 ngày trở lên bị trừ 05 điểm.			



Phụ lục II

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TRỰC THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /5/2021
của UBND tỉnh Quảng Nam)

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Giải trình việc tự chấm điểm
1	Kết quả thực hiện nhiệm vụ phục vụ quản lý nhà nước	75		
1.1	Kết quả thực hiện các nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao. Thực hiện đầy đủ, đảm bảo thời gian, đảm bảo chất lượng theo yêu cầu đạt tỷ lệ 100% được tính 05 điểm; tỷ lệ % thực hiện được tính điểm tương ứng.	05		
1.2	Kết quả triển khai thực hiện các văn bản pháp luật, quy định, các chương trình, đề án, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực	10		
-	100% văn bản triển khai thực hiện đảm bảo thời gian, nội dung theo quy định	10		
-	Thực hiện dưới 100%. Tính theo tỷ lệ tương ứng	<10		
1.3	Kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao thuộc lĩnh vực quản lý - Đối với các Ban quản lý: Thực hiện tốt công tác nghiệm thu, bàn giao và thực hiện thanh quyết toán các dự án; thực hiện tốt công tác giải ngân. - Đối với các Trường: Thực hiện tốt công tác tuyển sinh; công tác đào tạo, nâng cao năng lực giảng dạy.	20		
1.4	Xây dựng và thực hiện kế hoạch được giao về tự chủ, tự chịu trách nhiệm về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính trong năm.	04		
-	Thực hiện tốt.	04		
-	Thực hiện chưa tốt.	02		
1.5	Chấp hành chế độ, chính sách pháp luật về: thuế, phí và các khoản thu nộp ngân sách.	10		
-	Thực hiện tốt.	10		
-	Thực hiện chưa tốt.	05		
1.6	Tổ chức nghiên cứu, hội thảo khoa học, khuyến khích hoạt động sáng kiến trong công tác; tổ chức thực hiện các đề tài, dự	03		

	án khoa học công nghệ cấp tỉnh trở lên.			
-	Thực hiện tốt.	03		
-	Thực hiện chưa tốt.	01		
1.7	Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý, điều hành hoạt động; xây dựng và khai thác có hiệu quả Trang Thông tin điện tử của đơn vị.	03		
-	Thực hiện tốt.	03		
-	Thực hiện chưa tốt.	01		
1.8	Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ, chuyên đề, đột xuất. Thực hiện đầy đủ, đảm bảo nội dung và đúng thời gian theo quy định đạt tỷ lệ 100% được tính 05 điểm; tỷ lệ % thực hiện được tính điểm tương ứng.	05		
1.9	Thực hiện chế độ họp, hội nghị theo Quy chế làm việc Ủy ban nhân dân tỉnh.	05		
-	Thực hiện tốt.	05		
-	Thực hiện chưa tốt.	02		
1.10	Phối hợp, triển khai, thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia; các đề án, dự án	05		
-	Thực hiện tốt.	05		
-	Thực hiện chưa tốt.	02		
1.11	Thực hiện công tác dân vận	05		
-	Hoàn thành xuất sắc.	05		
-	Hoàn thành tốt.	04		
-	Hoàn thành.	02		
-	Không hoàn thành.	0		
2	Kết quả thực hiện quản trị trong cơ quan, đơn vị	17		
2.1	Thực hiện việc sắp xếp bộ máy; tinh giản đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị.	05		
-	Thực hiện tốt.	05		
-	Thực hiện chưa tốt.	02		
2.2	Thực hiện việc quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm các chức danh thuộc thẩm quyền	03		
-	Thực hiện đúng quy định.	03		
-	Thực hiện có nội dung chưa đảm bảo theo đúng quy định.	01		
2.3	Thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng, sử dụng công chức, viên chức.	03		
-	Thực hiện tốt	03		
-	Thực hiện chưa tốt	01		

2.4	Thực hiện việc quản lý tài chính, ngân sách, trang thiết bị và cơ sở vật chất.	03		
-	Thực hiện tốt	03		
-	Thực hiện chưa tốt	01		
2.5	Thực hiện các quy định về phòng, chống tham nhũng trong nội bộ cơ quan, đơn vị; tiếp nhận, xử lý các thông tin, báo cáo, phản ánh về hành vi tham nhũng; thực hiện việc kê khai tài sản.	03		
-	Thực hiện tốt	03		
-	Thực hiện chưa tốt	01		
3	Điểm cộng, điểm trừ			
3.1	Điểm cộng	08		
-	Tham mưu Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các chính sách, đề án phát sinh, có tính chất đặc thù (không nằm trong chương trình công tác hằng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh).	03		
-	Có đề tài khoa học, sáng kiến cấp tỉnh trở lên được Trung ương, Hội đồng khoa học hoặc Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh quyết định công nhận.	02		
-	Có tổng số điểm đạt được xếp vị thứ nhất công tác dân vận trong các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh (năm đánh giá, xếp loại chưa công bố thì lấy kết quả của năm liền kề trước đó) được cộng 01 điểm; xếp vị thứ nhì được cộng 0,5 điểm.	01		
-	Đã công bố và duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001	01		
-	Lập thành tích tiêu biểu xuất sắc đột xuất trong năm, được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh hoặc Bằng khen của các Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương hoặc các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước (chỉ lấy hình thức khen thưởng đột xuất tặng cho tập thể các Sở, ban, ngành tỉnh để tính điểm).	02		
3.2	Điểm trừ			
-	Tham mưu ban hành hoặc ban hành văn bản trái quy định, bị đình chỉ, hủy bỏ bằng quyết định của cơ quan có thẩm quyền, trừ 02 điểm/01 văn bản.			

-	Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc cấp có thẩm quyền có văn bản phê bình, kiểm điểm trong quá trình thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao trừ 01 điểm/01 lần bị phê bình, kiểm điểm.			
-	Giải quyết đơn thư; tổ chức tiếp công dân	02		
+	Không giải quyết	01		
+	Giải quyết không kịp thời, không thỏa đáng hoặc chậm tiến độ so với quy định.	0,5		
+	Không tổ chức tiếp công dân hoặc tổ chức tiếp công dân không đúng theo quy định của pháp luật.	01		
-	Không chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ các quyết định, kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của cơ quan có thẩm quyền.	01		
-	Bị xử lý kỷ luật	03		
+	Có cá nhân là người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan bị xử lý kỷ luật	03		
+	Có cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan đơn vị bị xử lý kỷ luật	01		
-	Gửi hồ sơ tự đánh giá, xếp loại trễ hạn dưới 05 ngày bị trừ 01 điểm; trễ hạn từ 05 ngày đến 10 ngày bị trừ 02 điểm; trễ hạn từ 10 ngày trở lên bị trừ 05 điểm.			